

**PHỤ LỤC**  
**CÁC KHOẢN THU CÓ QUY ĐỊNH MỨC TRẦN**

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu không quá			Ghi chú (thuyết minh)
			Học sinh Trung học cơ sở	Học sinh Trung học phổ thông	Học viên học văn hóa hệ GDTX	
1	Các khoản thu tổ chức, phục vụ bán trú cho học sinh.	Đồng/học sinh/tiết	Tiền ăn: Thu theo thỏa thuận với cha mẹ học sinh			
			200.000	200.000	200.000	Kinh phí chi phục vụ, dịch vụ bán trú: - 30 học sinh/tháng/01 nhân viên hưởng lương = 135% x 1.490.000 đồng = 2.011.500 đồng; - Tiền điện, nước: 2.000.000 đồng/30 hs/tháng; - Quản lý+thuế TNDN: 2.000.000 đồng/30 hs/tháng Tổng: 6.000.000/30 học sinh.
2	Tham gia các Câu lạc bộ do nhà trường tổ chức (các môn học và hoạt động giáo dục thuộc chương trình giáo dục phổ thông, bóng đá, bơi lội, võ thuật, mỹ thuật, âm nhạc...), các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm, trải nghiệm sáng tạo, hướng nghiệp đối với học sinh phổ thông (ngoài giờ học chính khóa).	Đồng/học sinh/tiết	7.200	7.200	7.200	Tính theo mức thu chi tại Mục 5

3	Dạy song ngữ cho học sinh từ lớp 6 đến lớp 12 (dạy các môn Khoa học tự nhiên bằng tiếng Anh; dạy tiếng Pháp, Nhật, Hàn, Trung,...)	Đồng/học sinh/tiết	25.000	25.000		Thu theo thỏa thuận giữa nhà trường và các đơn vị sử dụng giáo viên; với sự tự nguyện của học sinh và sự đồng ý của cha mẹ học sinh
4	Học các lớp khác ( <i>ngoài học các môn học thuộc chương trình giáo dục phổ thông</i> ) ở các Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên công lập.	Đồng/học sinh/tiết			7.200	Tính theo mức thu chi tại Mục 5
5	Dạy học tăng cường đối với các môn học thuộc chương trình giáo dục phổ thông; dạy học bồi dưỡng; dạy học ôn thi.	Đồng/học sinh/tiết	7.000	7.200	7.200	<p>- Căn cứ thông tư liên tịch số: 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ trả thêm giờ đối với giáo viên dạy trong các cơ sở giáo dục công lập kèm theo chế độ làm việc của giáo viên phổ thông tại Thông tư 15/2017/TT-BGDĐT sửa đổi chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông ban hành kèm Thông tư 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>- Tiền lương dạy thêm giờ/năm học = Số giờ dạy thêm/năm học x Tiền lương 01 giờ dạy x 150%. Tiền lương 01 giờ dạy = [(Tổng tiền lương của 12 tháng trong năm học) : (Định mức giờ dạy/năm)] x Số tuần dành cho giảng dạy.</p> <p>- Vận dụng quy định trên ta có: Hiện nay theo khảo sát, các giáo viên trung học tham gia dạy thêm trong nhà trường bình quân có hệ số lương 4,32, dự kiến lương cơ bản 1,600,000 thì tiền lương cần trả cho giáo viên 1 giờ sẽ được tính như sau = <math>[4.32 \times 1600000 \times 12 / 629 \times (37/52)] \times 150 / 100 = 140.742,0814</math> đồng.</p> <p>Số tiền này tương ứng với 70% tổng số tiền cần thu trong 1 giờ dạy.</p> <p>Tổng số tiền cần chi phí trong 1 giờ dạy là:</p>

						$140.742,0814 \text{ đồng} + 140.742,0814 \times 30/70 \text{ đồng} = 201.060,116 \text{ đồng}.$ Mỗi lớp học thêm khoảng 28 học sinh, nên mỗi học sinh cần đóng phí học thêm là: $201.060,116 \text{ đồng} : 28 = 7.180 \text{ đồng/tiết}.$
6	Thu dịch vụ sử dụng cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục công lập ngoài giờ chính khóa ( <i>sân bóng, hồ bơi, nhà ăn, nhà ở...</i> ).	Đồng/học sinh/tiết				Thu theo Đề án của nhà trường.
7	Văn phòng phẩm phục vụ tổ chức kiểm tra định kỳ	Đồng/hs/năm học	76.000	76.000	42.000	Đối với trung học: Số lần kiểm tra bình quân 05 lần/môn học/năm. Mỗi lần kiểm tra: Tổng số tiền 1200đ/môn, (gồm: đề, giấy làm bài tự luận và Phiếu trả lời trắc nghiệm). Kiểm tra 12 môn học/năm (GDPT), 07 môn đối với GDTX.
8	Nước uống cho học sinh.	Đồng/hs/tháng				Học sinh mỗi lớp tự thu bù chi
9	Dọn khu vực vệ sinh dành cho học sinh.	Đồng/hs/tháng	7000	7000	7000	$500 \text{ học sinh/nhân viên} \times 3.000.000/\text{tháng/nhân viên} + 500.000 \text{ đồng (giấy vệ sinh, chất tẩy,...)} = 3.500.000 \text{ đồng}/500 \text{ học sinh}.$